TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HS-ST
Ngày: 31-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đức Thọ;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Lương Thị Nụ;

2. Ông: Trương Đức Thành.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hạ Thị Soan -Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Bế Việt Tiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2024/TLST-HS ngày 11/10/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng:

Đối với bị cáo: Th, (tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 16 tháng 6 năm 1992 tại: huyện B, tỉnh Cao Bằng; nơi cư trú: K, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Trồng trọt; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mông; tôn giáo: Tin lành; trình độ văn hóa: 7/12; con ông: P, sinh năm 1954; con bà: S, sinh năm 1960; anh chị em ruột: bị cáo có 13 (Mười ba) anh em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình; vợ: C, sinh năm 1993; con: bị cáo có 03 (Ba) con; con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý hình sự, chưa bị xử phạt hành chính.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng trong một vụ án khác (Có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Ng – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian tháng 11/2015, P1 sinh năm 1963; trú tại: xóm N1, xã N2, huyện B, tỉnh Cao Bằng đang cần gỗ đề sửa chữa nhà ở, P1 biết trong khu rừng (L) thuộc xóm Ph, xã N2, huyện B, tỉnh Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng gần phần đất rẫy của P1 ở xóm N1, xã N2, huyện B có 01 cây gỗ Phay đường kính gốc khoảng 03 mét, ngọn cây đã bị gãy, còn lại phần thân và 02 cành (một cành đã bị khô, một cành vẫn mọc lá màu xanh) nên đã nảy sinh ý định muốn khai thác. P1 đến gặp T1 sinh năm 1984; trú tại: xóm N1, xã N2, huyện B, tỉnh Cao Bằng để nhờ chặt giúp cây gỗ Phay trên và hứa hẹn sẽ chia cho T1 phần gốc cây. T1 biết P1 chưa có thủ tục giấy tờ của cơ quan chức năng cho phép khai thác nhưng vẫn đồng ý, do cây gỗ này quá lớn nên một mình T1 không thể chặt hạ nổi, có rủ thêm Th trú tại: K, thị trấn P, huyện B cùng đi khai thác chặt hạ cây gỗ cho P1, hứa hẹn sẽ chia một nửa gốc cây (phần P1 chia cho T1). Đồng thời T1 cũng cho Th biết việc ông P1 không có giấy phép khai thác và được Th đồng ý.

Vào một buổi sáng trong tháng 11/2015, cả T1 và Th mỗi người mang theo một máy cưa nhãn hiệu Husqvarna 365 đi bộ vào rừng đến chỗ cây Phay, T1 bảo vợ là S1 đi cùng để nấu ăn, còn Th thuê P2 (sinh năm 1996; trú tại: K, P, huyện B) đi cùng giúp quét mùn cưa. T1 và Th cùng nhau cưa cây Phay liên tục từ khoảng 07 giờ sáng đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày thì cây đổ. Chặt xong, Th trả tiền công cho P2 (sinh năm 1996) số tiền 75.000 đồng. Khoảng một tháng sau, P1 thuê T1 xẻ cây Phay đã chặt thành từng tấm ván, T1 xẻ 02 cành của cây Phay được 92 tấm ván có tổng khối lượng là 1,76 m^3. Do T1 và P1 mẫu thuẫn trong việc chia gỗ, T1 dừng lại không xẻ nữa, P1 trả cho T1 số tiền 3.000.000 đồng, tiền công xẻ 92 tấm ván. Sau đó, P1 vận chuyển tất cả số ván đã xẻ về nhà.

Khoảng tháng 6/2016, được sự giới thiệu của Th và T1, H2 (sinh năm 1981; trú tại: K, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) đến hỏi mua cây Phay đã chặt. Ngày 21/6/2016, P1, H2, T1 và Th gặp nhau ở nhà P1, qua trao đổi, H2 biết cây gỗ Phay đã chặt không có giấy phép khai thác rừng nhưng vẫn đồng ý mua với mục đích để bán kiếm lời. H2 đưa tiền ra cho P1, T1, Th tự chia nhau, P1 nhận được số tiền 11.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận mua bán xong, H2 trực tiếp viết giấy biên nhận với P1 và có chữ ký của P1, H2 và người làm chứng là T1. T1 cầm số tiền còn lại chia cho Th 8.500.000 đồng tiền công giúp T1 chặt cây. Còn T1 nhận số tiền 10.000.000 đồng.

Khoảng tháng 8/2016, H2 thuê Th, Tr (trú tại: xóm V, xã Th1, huyện B) và một người tên V1 (không rõ họ, địa chỉ cụ thể của người này, chỉ biết ở huyện V2, tỉnh Th3) xẻ phần thân cây Phay mua với P1 được 09 tấm có khối lượng 30,334 m^3 và cưa, đào xung quanh gốc cây Phay. Th, Pu và Việt xẻ thuê cây Phay và đào gốc cho H2 được bảy ngày, mỗi ngày H2 trả số tiền 200.000 đồng/ngày. Đến ngày

26/8/2016, Ủy ban nhân dân xã N1 phát hiện địa điểm H2 thuê người cưa, xẻ cây Phay không có giấy phép của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng nên lập biên bản yêu cầu dừng mọi hoạt động.

Đầu năm 2017, H2 quen biết C4 (trú tại: xóm Đồng Búc, xã Hợp Thành, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang), H2 giới thiệu bản thân có gỗ Phay làm sập muốn bán. H2 và C4 ký kết hợp đồng mua bán gỗ với điều kiện đến ngày 14/3/2017, H2 vận chuyển gỗ ra đến đường quốc lộ 34 và bàn giao thủ tục, giấy tờ, C4 sẽ T1 toán đầy đủ tiền theo số lượng gỗ thực tế nhận được cho H2, C4 tạm ứng trước cho H2 số tiền 60.000.000 đồng để cho trả tiền công và các chi phí liên quan khác. Một thời gian sau, C4 chưa nhận được gỗ theo như thỏa thuận trong hợp đồng đã thúc giục H2, H2 nói do đường vận chuyển khó khăn, không đủ chi phí nên C4 đã trực tiếp đến hiện trường xem. Sau đó, C4 thuê Q, H, V, X (cùng trú tại: xã Kh, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang), TR1 (trú tại: xã K1, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang) và mua đầu nổ, máy tời tự chế, dây cáp đến huyện Bảo Lâm giúp H2 vận chuyển gỗ.

Tháng 05/2018, H2 và những người làm thuê dùng đầu nổ, máy tời kéo gỗ từ nơi khai thác về tập kết tại rẫy nhà ông Ng thuộc xóm N1, xã N2, huyện B được tất cả 08 tấm. Đến ngày 05/6/2018, H2 bị Hạt kiểm lâm huyện B phát hiện và tạm giữ toàn bộ gỗ cùng phương tiện máy móc.

Đến ngày 10/7/2018, Hạt Kiểm lâm phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B và Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi khai thác, xác định địa điểm cây gỗ Phay bị khai thác trái phép có Tạo độ X: 471377, Y: 2530314, nằm trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên tại Thửa đất số 89, Lô 14, Khoảnh 8, Tiểu khu 60, Tờ bản đồ số 05, thuộc xóm Ph, xã N2, huyện B, tỉnh Cao Bằng (do các hộ V1, V2, V3, V4, L2), tại hiện trường phát hiện 01 gốc cây gỗ Phay có khối lượng 16,242 m^3, đường kính 3,3 mét, gốc cây có vết cắt sắc gọn, xung quanh gốc bị đào bới, rễ cây bị cắt rời và 01 tấm gỗ Phay có khối lượng 1,825 m^3. Khám nghiệm hiện trường địa điểm tập kết gỗ trong rẫy của ông L3 tại xóm N1, xã N2 phát hiện 08 tấm gỗ Phay có khối lượng 28,509 m^3. Ngày 20/9/2018, P1 tự nguyện giao nộp 92 tấm gỗ xẻ từ hai cành của cây Phay có khối lượng là 1,76 m^3. Tổng khối lượng cây gỗ Phay bị khai thác trái phép là 48,336 m^3.

Ngày 24/7/2018, Hạt kiểm lâm huyện Bảo Lâm ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, ngày 01/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm đã ra Quyết định chuyển vụ án hình sự đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng để điều tra theo thẩm quyền. Ngày 19/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với P1, T1 và Th về tội "Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng" theo quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Trong quá trình điều tra vụ án, Th đã bỏ trốn khỏi địa phương. Xét thấy việc Th bỏ trốn không ảnh hưởng đến quá trình điều tra và xét xử đối với các đối tượng khác trong vụ án. Ngày 28/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm đã ra quyết định tách vụ án hình sự đồng thời ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can. Ngày 06/10/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm ra Quyết định truy nã bị can đối với Th. Đến ngày 26/7/2024, Th đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm và tại phiên tòa Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng, tài sản trong vụ án đã được xử lý theo Bản án số: 06/2019/HS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

**Tại phiên tòa:*

* Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Th theo tội danh, điều luật như Cáo trạng số: 46/CT-VKSBL ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 2, Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.900.000 đồng, do Th phạm tội mà có.

- Về án phí: Bị cáo được miễn án phí Hình sự sơ thẩm theo luật định.

**Bị cáo không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo bà Ng, trình bày:* Nhất trí với tội danh, điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm truy tố đối với bị cáo; Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo là tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế và bị cáo sau khi bị truy nã đến ngày 26/7/2024, bị cáo đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm đầu thú đề nghị cho bị cáo hưởng các tình tiết quy định điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Đề nghị miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ, khoản 1, Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo trình bày, rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định đối tượng rừng và loài cây, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11/2015, P1 thuê T1 và Th khai thác trái phép 01 cây gỗ Phay trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên tại Thửa số 89, Lô 14, Khoảnh 8, Tiểu khu 60, Tờ bản đồ số 05, thuộc xóm Ph, xã N2, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Cây gỗ Phay bị khai thác trái phép thuộc loài thực vật thông thường có tổng khối lượng là 48,336 m^3.

Ngày 21/6/2016, P1, T1, Th bán cây gỗ Phay cho H2 được số tiền 29.500.000 đồng, trong đó: P1 nhận được số tiền 11.000.000 đồng, T1 nhận được số tiền 10.000.000 đồng, Th nhận được số tiền 8.500.000 đồng. Số gỗ Phay H2 mua nhằm mục đích bán lại kiếm lời không có giấy phép khai thác có tổng khối lượng 46,576 m^3. Ngoài ra, khoảng tháng 08/2016, H2 thuê Th, P4 (trú tại: xóm V, xã Th, huyện B) và một người tên V2 (không rõ họ, địa chỉ cụ thể của người này) xẻ phần thân cây Phay mua với P1 và cưa, đào xung quanh gốc cây Phay. Th làm thuê cho H2 được 07 ngày, mỗi ngày H2 trả cho Th số tiền 200.000 đồng, tổng số tiền Th nhận được từ việc xẻ thuê cây Phay cho H2 là 1.400.000 đồng.

Hành vi của bị cáo và các đối tượng khác thực hiện và bị phát hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015) có hiệu lực thi hành; Bộ luật hình sự năm 1999 quy định đối với hành vi

khai thác trái phép lâm sản của bị cáo theo hướng có lợi hơn so với Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử đối với bị cáo trong vụ án này. Tuy nhiên, tại thời điểm xét xử Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực thi hành nên cần áp dụng các quy định khác của Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết vụ án mà không gây bất lợi cho bị cáo khi xét xử.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng tới hệ sinh Th khí quyển, kiệt quệ nguồn tài nguyên lâm sản, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất ổn định an ninh chính trị tại địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước.

Như vậy hành vi nêu trên của bị cáo Th có đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng" theo quy định tại khoản 2, Điều 175 của Bộ luật hình sự 1999.

"Điều 175: Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng:

1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã xử lý hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a, Khai thác trái phép cây rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 189 của Bộ luật này;

b, Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này.

2. Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ hai năm đến mười năm.

……"

Bản Cáo trạng số: 46/CT-VKSBL, ngày 10/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng truy tố đối với bị cáo Th về tội "Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng" theo quy định tại khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Trước khi phạm tội bị cáo Th có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi bị truy nã bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú. Vì vậy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên được quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, vai trò của bị cáo trong vụ án này là đồng phạm, quá

trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không phải là người chủ mưu khởi sướng, nhưng bị cáo có nhiều hành vi thực hành tích cực. Bị cáo biết cây gỗ Phay chưa được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nào cấp phép khai thác nhưng vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích vụ lợi. Đến năm 2018, sau khi khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên, do lo sợ bị bắt đi tù bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xử lý tội phạm. Dựa trên các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Th Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm đã ra quyết định khởi tố bị can đối với Th về hành vi "Vi phạm quy định về khai thác và bảo vệ rừng" quy định tại khoản 2, Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 1999 ra Quyết định truy nã đối với Th. Đến ngày 26/7/2024 Th đã đến Cơ quan công an huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng để đầu thú.

Căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Th, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung.

** Trong vụ án này:*

Đối với P1, T1 và H2 đã được đưa ra xét xử theo Bản án số: 06/2019/HS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Trong vụ án đối với các đối tượng tên N4, H1, V do không biết họ, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm không đủ điều kiện để xác minh, làm rõ. Khi có đủ căn cứ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Với hành vi của C4 giúp H2 vận chuyển, hứa hẹn mua gỗ, C4 không biết cây gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp và chưa mua được gỗ với H2, hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với hành vi của S, P1 (sinh năm 1996) giúp T1, Th nấu ăn, quét dọn mùn cưa trong quá trình khai thác cây gỗ và Tr, Q, H, Ng1, X, Ng2 làm thuê cho H2, C4 trong quá trình xẻ gỗ, vận chuyển. Những đối tượng trên không biết cây gỗ có nguồn gốc bất hợp pháp, hành vi không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, đối với các đối tượng trên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Với L1, quá trình điều tra xác định được L1 không biết các tấm gỗ được để tại đám rẫy của gia đình là do H2 khai thác không có giấy phép, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lâm không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lý là có căn cứ.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Th không có tài sản có giá trị và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Hướng xử lý vật chứng vụ án: Vật chứng vụ án đã được nhận định và xử lý tại Bản án số: 06/2019/HS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện

Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng. Do vậy, về việc giải quyết vật chứng Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét thêm.

[6]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với số tiền bị cáo Th được hưởng lợi từ việc khai thác gỗ là 9.900.000 đồng, (bằng chữ: Chín triệu chín trăm nghìn đồng) bị cáo đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết. Do vậy, cần truy thu để nộp vào Ngân sách Nhà nước đối với số tiền trên.

[7]. Về án phí: Bị cáo Th là người bị kết án và phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử trong quá trình nghị án đã xem xét Đơn xin miễn án phí của bị cáo giao nộp tại phiên toà, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[9]. Các đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đề nghị của người bào bào chữa tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Lời nói sau cùng của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Th phạm tội "Vi phạm các quy định về khai thác và bảo bảo vệ rừng".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng khoản 2, Điều 175 của Bộ luật Hình sự (năm 1999); điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt, bị cáo Th 02 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Truy thu đối với bị cáo Th số tiền: 9.900.000 đồng, (bằng chữ: Chín triệu chín trăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12; Điều 14, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Miễn án hình sự sơ thẩm cho bị cáo Th.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Công an huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND thị trấn P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Đức Thọ